

<p>136. Đại Kinh Nghiệp Phân Biệt</p>	<p>136. The Greater Exposition of Action <i>(Mahākammavibhanga Sutta)</i></p>
<p>Khái quát Nội dung Kinh (Tác giả: TT. Thích Nhật Từ)</p>	<p>A Summary of the Sutta (Author: Bhikkhu Bodhi)</p>
<p>136. Đại kinh Nghiệp phân biệt (P. <i>Mahākammavibhangasuttam</i>, H. 大業分別經) tương đương <i>Phân biệt đại nghiệp kinh</i>.¹³² Đức Phật dạy rằng tùy theo bản chất tích cực hay tiêu cực của nghiệp mà cảm giác hạnh phúc hay khổ đau có mặt. Do tác động của duyên, sự trở quả của nghiệp là có thật. Người sống tà kiến, gieo nhiều bất hạnh sẽ bị khổ đau ở hiện tại hoặc bị đọa lạc cảnh giới thấp trong kiếp tương lai. Có người gieo nghiệp xấu ở hiện tại nhưng do tác động của nghiệp tốt trong quá khứ của bản thân nên chậm trở quả. Nhân quả là có thật nhưng chuyển nghiệp được nên không có số phận và định mệnh.</p>	<p>136. Mahākammavibhanga Sutta: The Greater Exposition of Action. The Buddha reveals subtle complexities in the workings of kamma that overturn simplistic dogmas and sweeping generalizations.</p>
<p>Việt Dịch từ Pāli: HT. Thích Minh Châu</p>	<p>English Translation from Pāli: Bhikkhu Ñāṇamoli & Bhikkhu Bodhi</p>
<p>Như vậy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn ở Rājagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng sóc.</p> <p>Lúc bấy giờ, Tôn giả Samiddhi trú tại một cái cốc trong rừng. Rồi du sĩ ngoại đạo Potaliputta tiêu dao tản bộ, tuần tự du hành, đi đến Tôn giả Samiddhi; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Samiddhi những lời chào đón hỏi thăm.</p> <p>Sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, du sĩ ngoại đạo Potaliputta thưa với Tôn giả Samiddhi:</p> <p>-- Nay Hiền giả Samiddhi, trước mặt Thế Tôn, tôi tự thân</p>	<p>[207] 1. THUS HAVE I HEARD. On one occasion the Blessed One was living at Rājagaha, in the Bamboo Grove, the Squirrels' Sanctuary.</p> <p>2. Now on that occasion the venerable Samiddhi was living in a forest hut. Then the wanderer Potaliputta, while wandering and walking for exercise, went to the venerable Samiddhi and exchanged greetings with him.</p> <p>When this courteous and amiable talk was finished, he sat down at one side and said to the venerable Samiddhi:</p> <p>“Friend Samiddhi, I heard and learned this from the</p>

nghe, tự thân ghi nhận như sau: "Hư vọng là thân nghiệp, hư vọng là khẩu nghiệp, chỉ có ý nghiệp là chân thật.

Và có một Thiên chứng (*samapatti*), do thành tựu Thiên chứng này, sẽ không có cảm giác gì".

-- Nay Hiền giả Potaliputta, chớ có nói vậy. Nay Hiền giả Potaliputta, chớ có nói vậy. Chớ có phỉ báng Thế Tôn; phỉ báng Thế Tôn là không tốt.

Thế Tôn không có nói như vậy: "Hư vọng là thân nghiệp, hư vọng là khẩu nghiệp, chỉ có ý nghiệp là chân thật".

Và Hiền giả, có một Thiên Chứng, do thành tựu thiên chứng này, sẽ không có cảm giác gì.

-- Ngài xuất gia đã bao lâu, thưa Hiền giả Samiddhi?

-- Không lâu, thưa Hiền giả. Có ba năm.

-- Nay ở đây chúng tôi còn hỏi các Tỷ-kheo trưởng lão làm gì khi một tân Tỷ-kheo nghĩ rằng cần phải bảo vệ vị Đạo sư như vậy.

Thưa Hiền giả Samiddhi, khi một người có dụng ý làm thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp thì người ấy có cảm giác gì?

-- Nay Hiền giả Potaliputta, khi một người có dụng ý làm thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp thì người ấy cảm giác khổ đau.

Rồi du sĩ ngoại đạo Potaliputta, không tán thán cũng không phản đối lời nói của Tôn giả Samiddhi. Không tán thán, không phản đối, du sĩ ngoại đạo Potaliputta từ chỗ ngồi đứng dậy rồi ra đi.

Rồi Tôn giả Samiddhi, sau khi du sĩ ngoại đạo Potaliputta

recluse Gotama's own lips: 'Bodily action is vain, verbal action is vain, only mental action is real.'

And: 'There is that attainment on entering which one does not feel anything at all.'¹²²⁶

"Do not say so, friend Potaliputta, do not say so. Do not misrepresent the Blessed One; it is not good to misrepresent the Blessed One.

The Blessed One would not speak thus: 'Bodily action is vain, verbal action is vain, only mental action is real.'

But, friend, there is that attainment on entering which one does not feel anything at all."

"How long is it since you went forth, friend Samiddhi?"

"Not long, friend: three years."

"There now, what shall we say to the elder bhikkhus when a young bhikkhu thinks the Teacher is to be defended thus?"

Friend Samiddhi, having done an intentional action by way of body, speech, or mind, what does one feel?"

"Having done an intentional action by way of body, speech, or mind, one feels suffering, friend Potaliputta."

Then, neither approving nor disapproving of the venerable Samiddhi's words, the wanderer Potaliputta rose from his seat and departed.

3. Soon after the wanderer Potaliputta had left, the

ra đi không bao lâu, liền đi đến Tôn giả Ānanda; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Ānanda những lời chào đón hỏi thăm;

sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Samiddhi kể lại cho Tôn giả Ānanda tất cả cuộc đàm thoại với du sĩ ngoại đạo Potaliputta. Sau khi nghe nói vậy, Tôn giả Ānanda nói với Tôn giả Samiddhi:

-- Nay Hiền giả Samiddhi, đây là đề tài một câu chuyện cần phải yết kiến Thế Tôn. Nay Hiền giả Samiddhi, chúng ta hãy đi đến Thế Tôn, sau khi đến hãy trình bày lên Thế Tôn rõ ý nghĩa này. Thế Tôn trả lời chúng ta như thế nào, chúng ta hãy như vậy thọ trì.

-- Thừa vâng, Hiền giả.

Tôn giả Samiddhi vâng đáp Tôn giả Ānanda. Rồi Tôn giả Ānanda và Tôn giả Samiddhi đi đến Thế Tôn; sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên,

Tôn giả Ānanda, trình lên Thế Tôn tất cả câu chuyện giữa Tôn giả Samiddhi với du sĩ ngoại đạo Potaliputta.

Khi nghe nói vậy, Thế Tôn nói với Tôn giả Ānanda:

-- Nay Ānanda, Ta chưa từng thấy du sĩ ngoại đạo Potaliputta, thời câu chuyện này từ đây xảy ra?

Nay Ānanda, câu hỏi đáng lý phải trả lời phân tích rõ ràng cho du sĩ ngoại đạo Potaliputta, lại được kẻ ngu si Samiddhi này trả lời theo một chiều.

venerable Samiddhi went to the venerable Ānanda [208] and exchanged greetings with him.

When this courteous and amiable talk was finished, he sat down at one side and reported to the venerable Ānanda his entire conversation with the wanderer Potaliputta. After he had spoken, the venerable Ānanda told him:

“Friend Samiddhi, this conversation should be told to the Blessed One. Come, let us approach the Blessed One and tell him this. As the Blessed One explains to us, so we shall bear it in mind.”

— “Yes, friend,” the venerable Samiddhi replied.

4. Then the venerable Ānanda and the venerable Samiddhi went together to the Blessed One, and after paying homage to him, they sat down at one side.

The venerable Ānanda reported to the Blessed One the entire conversation between the venerable Samiddhi and the wanderer Potaliputta.

5. When he had finished, the Blessed One told the venerable Ānanda:

“Ānanda, I do not even recall ever having seen the wanderer Potaliputta, so how could there have been this conversation?”

Though the wanderer Potaliputta’s question should have been analysed before being answered, this misguided man Samiddhi answered it one-sidedly.”

Khi nghe nói vậy, Tôn giả Udāyi bạch Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, nếu đây là ý nghĩa của Tôn giả Samiddhi nói lên, thời cảm giác gì người ấy cảm thọ là cảm giác khổ đau.

Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Ānanda:

-- Nay Ānanda, hãy xem con đường sai lạc của kẻ ngu si Udāyi này. Nay Ānanda, Ta biết rằng, nếu nay kẻ ngu si Udāyi này mở miệng ra (đề cập vấn đề gì), ông ấy sẽ mở miệng đề cập một cách không như lý (*ayoniso*).

Nay Ānanda, thật sự chỗ khởi thủy của du sĩ ngoại đạo Potaliputta hỏi là về ba cảm thọ. Nay Ānanda, nếu kẻ ngu si Samiddhi này được du sĩ ngoại đạo Potaliputta hỏi như vậy và trả lời như sau:

"Này Hiền giả Potaliputta, nếu một ai có dụng ý làm thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp, có khả năng đưa đến lạc thọ, người ấy sẽ cảm giác lạc thọ.

Này Hiền giả Potaliputta, nếu một ai có dụng ý làm thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp có khả năng đưa đến khổ thọ, người ấy sẽ cảm giác khổ thọ.

Này Hiền giả Potaliputta, nếu một ai có dụng ý làm thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp có khả năng đưa đến bất khổ bất lạc thọ, người ấy sẽ cảm giác bất khổ bất lạc thọ";

nếu trả lời như vậy, nay Ānanda, kẻ ngu si Samiddhi đã trả lời một cách chơn chánh cho du sĩ ngoại đạo Potaliputta.

Và lại nữa, nay Ānanda, những kẻ du sĩ ngoại đạo ngu si, kém học, họ sẽ hiểu được đại phân biệt về nghiệp của Như

6. When this was said, the venerable Udāyin said to the Blessed One:

"Venerable sir, perhaps the venerable Samiddhi spoke thus referring to [the principle]: 'Whatever is felt is included in suffering.'"¹²²⁷

Then the Blessed One addressed the venerable Ānanda:

"See, Ānanda, how this misguided man Udāyin interferes. I knew, Ānanda, that this misguided man Udāyin would unduly interfere right now.

From the start the wanderer Potaliputta had asked about the three kinds of feeling. This misguided man Samiddhi [209] would have answered the wanderer Potaliputta rightly if, when asked thus, he would have explained:

'Friend Potaliputta, having done an intentional action by way of body, speech, or mind [whose result is] to be felt as pleasant, one feels pleasure.

Having done an intentional action by way of body, speech, or mind [whose result is] to be felt as painful, one feels pain.

Having done an intentional action by way of body, speech, or mind [whose result is] to be felt as neither-pain-nor-pleasure, one feels neither-pain-nor-pleasure.'

But who are these foolish, thoughtless wanderers of other sects, that they could understand the Tathāgata's great

Lai, này Ānanda, nếu Ông nghe Như Lai phân tích đại phân biệt về nghiệp".

-- Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời; bạch Thiện Thệ nay đã đến thời, Thế Tôn hãy phân tích đại phân biệt về nghiệp! Sau khi nghe Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

-- Vậy này Ānanda, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.

-- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.
Tôn giả Ānanda vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

-- Này Ānanda, có bốn loại người này có mặt ở đời.
Thế nào là bốn?

Ở đây, này Ānanda, có người sát sanh, lấy của không cho, sống tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời ác khẩu, nói lời phù phiếm, có tham dục, có sân tâm, có tà kiến; sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Nhưng ở đây, này Ānanda, có người sát sanh,... có tà kiến; sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này.

Ở đây, này Ānanda, có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói ác khẩu, từ bỏ nói lời phù

exposition of action? You should listen, Ānanda, to the Tathāgata as he expounds the great exposition of action."

7. "This is the time, Blessed One, this is the time, Sublime One, for the Blessed One to expound the great exposition of action. Having heard it from the Blessed One, the bhikkhus will remember it."

"Then listen, Ānanda, and attend closely to what I shall say."

"Yes, venerable sir," the venerable Ānanda replied. The Blessed One said this:

8. "Ānanda,¹²²⁸ there are four kinds of persons to be found existing in the world.

What four?

Here some person kills living beings, takes what is not given, misconducts himself in sensual pleasures, speaks falsehood, speaks maliciously, speaks harshly, gossips; he is covetous, has a mind of ill will, and holds wrong view. On the dissolution of the body, after death, he reappears in a state of deprivation, in an unhappy destination, in perdition, even in hell.

"But here some person kills living beings... and holds wrong view. On the dissolution of the body, after death, he reappears in a happy destination, even in the heavenly world.

"Here some person abstains from killing living beings, from taking what is not given, from misconduct in sensual pleasures, from false speech, from malicious speech, [210]

phiếm, từ bỏ tham dục, từ bỏ sân tâm, có chánh kiến; sau khi thân hoại mạng chung, người ấy được sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này.

Nhưng ở đây, này Ānanda, có người từ bỏ sát sanh,... có chánh kiến; sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Ở đây, này Ānanda, có vị Sa-môn hay Bà-la-môn nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh tác ý, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, nhờ thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, vị ấy thấy có người ở đây sát sanh, lấy của không cho, sống tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói ác khẩu, nói lời phù phiếm, có tham dục, có sân tâm, có tà kiến; sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Vị ấy nói như sau: "Thật sự có những ác nghiệp, có quả báo ác hạnh. Và ta đã thấy có người ở đây sát sanh, lấy của không cho... nói hai lưỡi... có tà kiến, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục".

Vị ấy nói như sau: "Chắc chắn tất cả mọi người sát sanh, lấy của không cho... có tà kiến; sau khi thân hoại mạng chung, họ đều sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục".

Những ai biết như vậy, những vị ấy biết một cách chơn chánh. Những ai biết khác như vậy, trí của họ thuộc tà trí.

Như vậy, điều vị ấy tự mình biết, tự mình thấy, tự mình hiểu rõ, ở đây, vị ấy nắm giữ, chấp trước và tuyên bố: "Chỉ

from harsh speech, from gossip; he is not covetous, his mind is without ill will, and he holds right view. On the dissolution of the body, after death, he reappears in a happy destination, even in the heavenly world.

"But here some person abstains from killing living beings... and he holds right view. On the dissolution of the body, after death, he reappears in a state of deprivation, in an unhappy destination, in perdition, even in hell.

9. "Here, Ānanda, by means of ardour, endeavour, devotion, diligence, and right attention, some recluse or brahmin attains such concentration of mind that, when his mind is concentrated, with the divine eye, which is purified and surpasses the human, he sees that person here who kills living beings... and holds wrong view, and he sees that on the dissolution of the body, after death, he has reappeared in a state of deprivation, in an unhappy destination, in perdition, even in hell.

He says thus: 'Indeed, there are evil actions, there is result of misconduct; for I saw a person here who killed living beings... and held wrong view, and I see that on the dissolution of the body, after death, he has reappeared in a state of deprivation... even in hell.'

He says thus: 'On the dissolution of the body, after death, everyone who kills living beings... and holds wrong view reappears in a state of deprivation... even in hell.

Those who know thus know rightly; those who think otherwise are mistaken.'

Thus he obstinately adheres to what he himself has known, seen, and discovered, insisting: 'Only this is true,

như vậy mới chơn thực, ngoài ra đều là hư vọng".

Ở đây, này Ānanda, có Sa-môn hay Bà-la-môn, nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn,... vị ấy thấy có người sát sanh, lấy của không cho... có tà kiến; sau khi thân hoại mạng chung, vị ấy được sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này.

Vị ấy nói như sau: "Thật sự không có những ác nghiệp, không có quả báo ác hạnh. Và ta đã thấy có người ở đây sát sanh, lấy của không cho... có tà kiến; sau khi thân hoại mạng chung, được sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này.

Vị ấy nói như sau: "Chắc chắn tất cả mọi người sát sanh, lấy của không cho... có tà kiến; "sau khi thân hoại mạng chung, họ đều được sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này".

Những ai biết như vậy, những vị ấy biết một cách chơn chánh. Những ai biết khác như vậy, trí của họ thuộc tà trí". Như vậy, điều vị ấy tự mình biết, tự mình thấy, tự mình hiểu rõ, ở đây, vị ấy nắm giữ, chấp trước và tuyên bố: "Chỉ như vậy mới chơn thực, ngoài ra đều là hư vọng".

Ở đây, này Ānanda, có Sa-môn hay Bà-la-môn, nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn,... vị ấy thấy có người ở đây từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho... có chánh kiến;

sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này.

anything else is wrong.'

10. "But here, Ānanda, [211] by means of ardour... some recluse or brahmin attains such a concentration of mind that, when his mind is concentrated, with the divine eye, which is purified and surpasses the human, he sees that person here who kills living beings... and holds wrong view, and he sees that on the dissolution of the body, after death, he has reappeared in a happy destination, even in the heavenly world.

He says thus: 'Indeed, there are no evil actions, there is no result of misconduct; for I saw a person here who killed living beings... and held wrong view, and I see that on the dissolution of the body, after death, he has reappeared in a happy destination, even in the heavenly world.'

He says thus: 'On the dissolution of the body, after death, everyone who kills living beings... and holds wrong view reappears in a happy destination, even in the heavenly world.

Those who know thus know rightly; those who think otherwise are mistaken.' Thus he obstinately adheres to what he himself has known, seen, and discovered, insisting: 'Only this is true, anything else is wrong.'

11. "Here, Ānanda, by means of ardour... some recluse or brahmin attains such a concentration of mind that, when his mind is concentrated, with the divine eye, which is purified and surpasses the human, he sees that person here who abstains from killing living beings... and holds right view, and he sees that on the dissolution of the body, after

Vị ấy nói như sau: "Thật sự có những thiện nghiệp, có quả báo thiện hạnh. Và ta đã thấy có người ở đây từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho... có chánh kiến sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này".

Vị ấy nói như sau: "Chắc chắn tất cả mọi người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho... có chánh kiến; sau khi thân hoại mạng chung, họ đều sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Nhưng ai biết như vậy, nhưng vị ấy biết một cách chơn chánh.

Những ai biết khác như vậy, trí của họ thuộc tà trí". Như vậy, điều này vị ấy tự mình biết, tự mình thấy, tự mình hiểu rõ, ở đây, vị ấy nắm giữ, chấp trước và tuyên bố: "Chỉ như vậy mới chơn thực, ngoài ra đều là hư vọng".

Ở đây, này Ānanda, có Sa-môn... vị ấy thấy có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho... có chánh kiến;

sau khi thân hoại mạng chung, người ấy bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Vị ấy nói như sau: "Thật sự không có những thiện nghiệp, không có quả báo thiện hạnh. Và ta đã thấy có người ở đây từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho... có chánh kiến; sau khi thân hoại mạng chung, người ấy bị

death, he has reappeared in a happy destination, even in the heavenly world.

He says thus: 'Indeed, there are good actions, there is result of good conduct; for I saw a person here who abstained from killing living beings... and held right view, and I see that on the dissolution of the body, after death, he has reappeared in a happy destination, even in the heavenly world.'

He says thus: 'On the dissolution of the body, after death, everyone who abstains from killing living beings... and holds right view reappears in a happy destination, even in the heavenly world.

Those who know thus know rightly; those who think otherwise are mistaken.' Thus he obstinately adheres to what he himself has known, seen, and discovered, insisting: 'Only this is true, anything else is wrong.'

12. "But here, Ānanda, [212] by means of ardour... some recluse or brahmin attains such a concentration of mind that, when his mind is concentrated, with the divine eye, which is purified and surpasses the human, he sees that person here who abstains from killing living beings... and holds right view,

and he sees that on the dissolution of the body, after death, he reappears in a state of deprivation, in an unhappy destination, in perdition, even in hell.

He says thus: 'Indeed, there are no good actions, there is no result of good conduct; for I saw a person here who abstained from killing living beings... and held right view, and I see that on the dissolution of the body, after death, he

sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục".

Vị ấy nói như sau: "Chắc chắn tất cả mọi người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho... có chánh kiến; sau khi thân hoại mạng chung, họ đều bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Những ai biết như vậy, những vị ấy biết một cách chân chánh. Những ai biết khác như vậy, trí của họ thuộc tà trí".

Như vậy, điều vị ấy tự mình biết, tự mình thấy, tự mình hiểu rõ, ở đây, vị ấy nắm giữ, chấp trước và tuyên bố: "Chỉ như vậy mới chân thực, ngoài ra đều là hư vọng".

Ở đây, này Ānanda, Sa-môn hay Bà-la-môn nào nói như sau: "Chắc chắn có ác nghiệp, có quả báo ác nghiệp". Như vậy, Ta chấp nhận cho vị ấy.

Vị ấy nói như sau: "Tôi đã thấy ở đây có người sát sanh, lấy của không cho... có tà kiến, sau khi thân hoại mạng chung, tôi thấy người ấy sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục". Như vậy, Ta cũng chấp nhận cho vị ấy.

Còn nếu vị ấy nói như sau: "Chắc chắn tất cả những ai sát sanh, lấy của không cho... ; sau khi thân hoại mạng chung, họ đều sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục", như vậy, Ta không chấp nhận cho vị ấy.

Và nếu vị ấy nói như sau: "Những ai biết như vậy, những vị ấy biết một cách chân chánh. Những ai biết khác như vậy, trí của họ thuộc tà trí"; như vậy, Ta không chấp nhận cho vị ấy.

Điều vị ấy tự mình biết, tự mình thấy, tự mình hiểu rõ, ở đây, vị ấy nắm giữ, chấp trước và tuyên bố: "Chỉ như vậy

has reappeared in a state of deprivation... even in hell.'

He says thus: 'On the dissolution of the body, after death, everyone who abstains from killing living beings... and holds right view reappears in a state of deprivation... even in hell.

Those who know thus know rightly; those who think otherwise are mistaken.'

Thus he obstinately adheres to what he himself has known, seen, and discovered, insisting: 'Only this is true, anything else is wrong.'

13. "Therein, Ānanda,¹²²⁹ when a recluse or brahmin says: 'Indeed, there are evil actions, there is result of misconduct,' I grant him this.

When he says: 'I saw a person here who killed living beings... and held wrong view, and I see that on the dissolution of the body, after death, he has reappeared in a state of deprivation... even in hell,' I also grant him this.

But when he says: 'On the dissolution of the body, after death, everyone who kills living beings... and holds wrong view reappears in a state of deprivation... even in hell,' I do not grant him this.

And when he says: 'Those who know thus know rightly; those who think otherwise are mistaken,' I also do not grant him this.

And when he obstinately adheres to what he himself has known, seen, and discovered, insisting: 'Only this is true,

mới chơn thực, ngoài ra đều là hư vọng". Như vậy, Ta cũng không chấp nhận cho vị ấy. Vì có sao? Khác như vậy, này Ānanda, là trí của Như Lai về Đại phân biệt về nghiệp.

Ở đây, này Ānanda, Sa-môn hay Bà-la-môn nào nói như sau: "Chắc chắn không có ác nghiệp, không có quả báo ác hạnh". Như vậy, Ta không chấp nhận cho vị ấy.

Và vị ấy nói như sau: "Tôi đã thấy ở đây có người sát sanh, lấy của không cho... có tà kiến; sau khi thân hoại mạng chung, tôi thấy người ấy sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này". Như vậy, Ta chấp nhận cho vị ấy.

Còn nếu vị ấy nói như sau: "Chắc chắn tất cả những ai sát sanh, lấy của không cho... tất cả sau khi thân hoại mạng chung, họ đều sanh vào thiện thú Thiên giới, cõi đời này"; như vậy, Ta không chấp nhận cho vị ấy.

Và nếu vị ấy nói như sau: "Những ai biết như vậy, những vị ấy biết một cách chơn chánh. Những ai biết khác như vậy, trí của họ thuộc tà trí"; như vậy, Ta không chấp nhận cho vị ấy.

Điều vị ấy tự mình biết, tự mình thấy, tự mình hiểu rõ, ở đây, vị ấy nắm giữ, chấp trước và tuyên bố: "Chỉ như vậy mới chơn thực, ngoài ra đều là hư vọng". Như vậy, Ta cũng không chấp nhận cho vị ấy.

Vì có sao? Khác như vậy, này Ānanda, là trí của Như Lai về Đại phân biệt về nghiệp.

Ở đây, này Ānanda, Sa-môn hay Bà-la-môn nào nói như sau: "Chắc chắn có thiện nghiệp, có quả báo thiện hạnh".

anything else is wrong,' I also do not grant him this. Why is that? Because, Ānanda, the Tathāgata's knowledge of the great exposition of action is otherwise.

14. "Therein, Ānanda, when a recluse or brahmin says: 'Indeed, there are no evil actions, there is no result of misconduct,' I do not grant him this.

When he says: 'I saw a person here who killed living beings... and held wrong view, and I see that on the dissolution of the body, after death, he has reappeared in a happy destination, even in the heavenly world,' I grant him this.

But when he says: "On the dissolution of the body, after death, everyone who kills living beings... and holds wrong view reappears in a happy destination, even in the heavenly world,' [213] I do not grant him this.

And when he says: 'Those who know thus know rightly; those who think otherwise are mistaken,' I also do not grant him this.

And when he obstinately adheres to what he himself has known, seen, and discovered, insisting: 'Only this is true, anything else is wrong,' I also do not grant him this.

Why is that? Because, Ānanda, the Tathāgata's knowledge of the great exposition of action is otherwise.

15. "Therein, Ānanda, when a recluse or brahmin says: 'Indeed, there are good actions, there is result of good

Như vậy, Ta chấp nhận cho vị ấy.

Và vị ấy nói như sau: "Tôi đã thấy ở đây có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho... có chánh kiến; sau khi thân hoại mạng chung, tôi thấy người ấy sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này". Như vậy, Ta cũng chấp nhận cho vị ấy.

Còn nếu vị ấy nói như sau: "Chắc chắn tất cả những ai từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho... tất cả sau khi thân hoại mạng chung; họ đều sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này"; như vậy, Ta không chấp nhận cho vị ấy.

Và nếu vị ấy nói như sau: "Những ai biết như vậy, những vị ấy biết một cách chân chánh. Những ai biết khác như vậy, trí của họ thuộc tà trí"; như vậy, Ta cũng không chấp nhận cho vị ấy.

Điều vị ấy tự mình biết, tự mình thấy, tự mình hiểu rõ, ở đây, vị ấy nắm giữ, chấp trước và tuyên bố: "Chỉ như vậy mới chơn thực, ngoài ra đều là hư vọng". Như vậy, Ta cũng không chấp nhận cho vị ấy.

Vì có sao? Khác như vậy, này Ānanda, là trí của Như Lai về Đại phân biệt về nghiệp.

Ở đây, này Ānanda, Sa-môn hay Bà-la-môn nào nói như sau: "Chắc chắn không có thiện nghiệp, không có quả báo thiện hạnh". Như vậy, Ta không chấp nhận cho vị ấy.

Và vị ấy nói như sau: "Tôi đã thấy ở đây có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho... có chánh kiến; sau khi thân hoại mạng chung, tôi thấy người ấy sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục". Như vậy, Ta chấp nhận cho vị ấy.

conduct,' I grant him this.

And when he says: 'I saw a person here who abstained from killing living beings... and held right view, and I see that on the dissolution of the body, after death, he has reappeared in a happy destination, even in the heavenly world,' I also grant him this.

But when he says: 'On the dissolution of the body, after death, everyone who abstains from killing living beings... and holds right view reappears in a happy destination, even in the heavenly world,' I do not grant him this.

And when he says: 'Those who know thus know rightly; those who think otherwise are mistaken,' I also do not grant him this.

And when he obstinately adheres to what he himself has known, seen, and discovered, insisting: 'Only this is true, anything else is wrong,' I also do not grant him this.

Why is that? Because, Ānanda, the Tathāgata's knowledge of the great exposition of action is otherwise.

16. "Therein, Ānanda, when a recluse or brahmin says: 'Indeed, there are no good actions, there is no result of good conduct,' I do not grant him this.

When he says: 'I saw a person here who abstained from killing living beings... and held right view, and I see that on the dissolution of the body, after death, he has reappeared in a state of deprivation... even in hell,' I grant him this.

Còn nếu vị ấy nói như sau: "Chắc chắn những ai từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho... có chánh kiến, tất cả sau khi thân hoại mạng chung, họ đều sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục"; như vậy, Ta cũng không chấp nhận cho vị ấy.

Và nếu vị ấy nói như sau: "Những ai biết như vậy, những vị ấy biết một cách chân chánh. Những ai biết khác như vậy, trí của họ thuộc tà trí"; như vậy, Ta cũng không chấp nhận cho vị ấy.

Điều vị ấy tự mình biết, tự mình thấy, tự mình hiểu rõ, ở đây, vị ấy nắm giữ, chấp trước và tuyên bố: "Chỉ như vậy mới chơn thực, ngoài ra đều là hư vọng". Như vậy, Ta cũng không chấp nhận cho vị ấy.

Vì có sao? Khác như vậy, này Ānanda, là trí của Như Lai về Đại phân biệt về nghiệp.

Ở đây, này Ānanda, người nào sát sanh, lấy của không cho... có tà kiến; sau khi thân hoại mạng chung, người ấy bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục...

Hoặc là một ác nghiệp đưa đến cảm giác khổ thọ do người ấy làm lúc trước, hay một ác nghiệp đưa đến cảm giác khổ thọ do người ấy làm về sau, hay trong khi mệnh chung, một tà kiến được người ấy chấp nhận và chấp chặt.

Do vậy, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Và ai ở đây sát sanh, lấy của không cho... có tà kiến, người ấy phải lãnh thọ quả báo được khởi lên ngay hiện tại hay trong một đời khác.

But when he says: 'On the dissolution of the body, after death, everyone who abstains from killing living beings... and holds right view reappears in a state of deprivation... even in hell,' I do not grant him this.

And when he says: [214] 'Those who know thus know rightly; those who think otherwise are mistaken,' I also do not grant him this.

And when he obstinately adheres to what he himself has known, seen, and discovered, insisting: 'Only this is true, anything else is wrong,' I also do not grant him this.

Why is that? Because, Ānanda, the Tathāgata's knowledge of the great exposition of action is otherwise.

17. "Therein, Ānanda,¹²³⁰ as to the person here who kills living beings... and holds wrong view, and on the dissolution of the body, after death, reappears in a state of deprivation... even in hell:

either earlier he did an evil action to be felt as painful, or later he did an evil action to be felt as painful, or at the time of death he acquired and undertook wrong view.¹²³¹

Because of that, on the dissolution of the body, after death, he has reappeared in a state of deprivation... even in hell.

And since he has here killed living beings... and held wrong view, he will experience the result of that either here and now, or in his next rebirth, or in some subsequent existence.¹²³²

Ở đây, này Ānanda, người nào sát sanh, lấy của không cho... có tà kiến; sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này...

Hoặc là một thiện nghiệp đưa đến cảm giác lạc thọ do người ấy làm lúc trước, hay một thiện nghiệp đưa đến cảm giác lạc thọ do người ấy làm về sau, hay trong khi mệnh chung, một chánh kiến được người ấy chấp nhận và chấp chặt.

Do vậy sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này.

Và ai ở đây sát sanh, lấy của không cho... có tà kiến, người ấy phải lãnh thọ quả báo được khởi lên ngay hiện tại hay trong một đời khác.

Ở đây, này Ānanda, người nào từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho... có chánh kiến; sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này...

Hoặc là một thiện nghiệp đưa đến cảm giác lạc thọ do người ấy làm từ trước, hay một thiện nghiệp đưa đến cảm giác lạc thọ do người ấy làm về sau, hay trong khi mệnh chung, một chánh kiến được người ấy chấp nhận và chấp chặt.

Do vậy, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này.

Và ai ở đây từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho... có chánh kiến, người ấy phải lãnh thọ quả báo được khởi lên ngay hiện tại, hay trong một đời khác.

18. “Therein, Ānanda, as to the person here who kills living beings... and holds wrong view, and on the dissolution of the body, after death, reappears in a happy destination, even in the heavenly world:

either earlier he did a good action to be felt as pleasant, or later he did a good action to be felt as pleasant, or at the time of death he acquired and undertook right view.¹²³³

Because of that, on the dissolution of the body, after death, he has reappeared in a happy destination, even in the heavenly world.

But since he has here killed living beings... and held wrong view, he will experience the result of that either here and now, or in his next rebirth, or in some subsequent existence.

19. “Therein, Ānanda, as to the person here who abstains from killing living beings... and holds right view, and on the dissolution of the body, after death, reappears in a happy destination, even in the heavenly world:

either earlier he did a good action to be felt as pleasant, or later he did a good action to be felt as pleasant, or at the time of death he acquired and undertook right view.

Because of that, on the dissolution of the body, after death, he has reappeared in a happy destination, even in the heavenly world.

And since he has here abstained from killing living beings [215]... and held right view, he will experience the result of

Ở đây, này Ānanda, người nào từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho... có chánh kiến; sau khi thân hoại mạng chung, người ấy bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục...

Hoặc là một ác nghiệp đưa đến cảm giác khổ thọ do người ấy làm từ trước, hay một ác nghiệp đưa đến cảm giác khổ thọ do người ấy làm về sau, hay trong khi mệnh chung, một tà kiến được người ấy chấp nhận và chấp chặt.

Do vậy, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Và ai ở đây từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho... có chánh kiến, người ấy phải lãnh thọ quả báo được khởi lên ngay hiện tại hay trong một đời khác.

Như vậy, này Ānanda, có nghiệp vô hữu tợ vô hữu, có nghiệp vô hữu tợ hữu, có nghiệp hữu tợ hữu, có nghiệp hữu tợ vô hữu.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Ānanda hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

that either here and now, or in his next rebirth, or in some subsequent existence.

20. “Therein, Ānanda, as to the person here who abstains from killing living beings... and holds right view, and on the dissolution of the body, after death, reappears in a state of deprivation... even in hell:

either earlier he did an evil action to be felt as painful, or later he did an evil action to be felt as painful, or at the time of death he acquired and undertook wrong view.

Because of that, on the dissolution of the body, after death, he has reappeared in a state of deprivation... even in hell.

But since he has here abstained from killing living beings... and held right view, he will experience the result of that either here and now, or in his next rebirth, or in some subsequent existence.

21. “Thus, Ānanda, there is action that is incapable and appears incapable; there is action that is incapable and appears capable; there is action that is capable and appears capable; and there is action that is capable and appears incapable.”¹²³⁴

That is what the Blessed One said. The venerable Ānanda was satisfied and delighted in the Blessed One’s words.

Notes

The bracketed numbers [] embedded in the text refer to the page number of the Pali Text Society’s edition of the

Majjhima Nikāya (except for MN 92 and MN 98, wherein the numbers refer to the PTS edition of the Sutta Nipāta).

1226. MA says that Potaliputta did not actually hear this personally from the Buddha, but had heard a report that these statements were made by the Buddha. The former is a distorted version of the Buddha's declaration at MN 56.4 that mental action is the most reprehensible of the three types of deeds for the performance of evil action. The latter derives from the Buddha's discussion of the cessation of perception in the *Poṭṭhapāda Sutta* (DN 9). MA glosses the word "vain" by "fruitless."

1227. This statement is made by the Buddha at SN 36:11/iv.216, with reference to the suffering inherent in all formations by reason of their impermanence. Though the statement itself is true, Samiddhi seems to have misinterpreted it to mean that all feeling is felt as suffering, which is patently false.

1228. MA: This section is not the expounding of the Tathāgata's knowledge of the great exposition of action, but the setting up of the outline for the purpose of presenting that exposition.

1229. MA: This too is not the expounding of the knowledge of the great exposition of action, but is still the setting up of the outline. The purpose here is to show what can be accepted and what should be rejected in the claims of the outside recluses and brahmins. Briefly put, the propositions that report their direct observations can be accepted, but the generalisations they derive from those observations must be rejected.

1230. Here begins the expounding of the knowledge of the great exposition of action.

1231. MA: The person who was seen with the divine eye killing living beings, etc., is reborn in hell because of another evil deed he had done earlier than the deed of killing, etc., or because of an evil deed he did afterwards, or because of a wrong view he accepted at the time of death. Although the Pali seems to be saying that he was necessarily reborn in hell on account of some action other than the one he was seen performing, this should not be understood as an apodictic pronouncement but only as a statement of possibility. That is, while it may be true that he was reborn in hell because of the evil action he was seen performing, it is also possible that he was reborn there because of some other evil action he did earlier or later or because of wrong view.

1232. This statement shows that even if his evil kamma does not generate the mode of rebirth, it will still mature for him in some other way either in this life, in the next life, or in some more distant future life.

1233. In this case the heavenly rebirth must be due to some action other than the one he was seen performing, since an evil action cannot produce a fortunate mode of rebirth.

1234. MA explains *abhabba*, incapable, as the unwholesome (*akusala*), called “incapable” because it is devoid of the capacity for growth; and *bhabba*, capable, as the wholesome, called “capable” because it has the capacity

for growth. This explanation sounds suspect; *bhabba* (Skt *bhavya*) may simply mean “potent, capable of producing results,” without implying any particular moral valuation. MA gives two explanations of the tetrad. The first devolves on taking the suffix *-ābhāsa* to mean “outshine” or “overcome,” and thus the four terms exemplify the way a kamma of one quality can “outshine” another in generating its result. The second explanation, which seems more cogent, takes *-ābhāsa* to mean “appears,” which I follow in the translation. On this explanation, the first type is illustrated by the person who kills living beings and is reborn in hell: his action is incapable (of good result) because it is unwholesome, and it appears incapable because, since he is reborn in hell, it seems to be the cause for his rebirth there. The second is illustrated by the person who kills living beings and is reborn in heaven: his action is incapable (of good result) because it is unwholesome, yet it appears capable because he is reborn in heaven; thus to the outside recluses and brahmins it seems to be the cause for his rebirth in heaven. The remaining two terms should be understood along the same lines, with appropriate changes.